

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ PHÙ HỢP VỚI NHU CẦU CỦA SẢN XUẤT VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH TẠI TỈNH VĨNH LONG

(Kèm theo Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

I. MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG TRÊN CÂY ĂN TRÁI

1. Mô hình trồng mới, thâm canh cây ăn trái theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr01

1.1. Thông tin chung

a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Thời gian thực hiện: 9 tháng;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

1.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công lao động trực tiếp (LĐTT)	138	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người

5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư, thiết bị theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Chi liên hệ, khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP	6	3 người x 2 công/người
10	Chi phí phối hợp với đơn vị Đào tạo đánh giá chứng nhận GAP hướng dẫn hộ dân áp dụng theo yêu cầu tiêu chuẩn GAP	12	3 người x 4 công/người
11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	1 người x 1,5 công/tháng x 9 tháng
12	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	2 người x 0,8 công/người/tháng x 9 tháng
13	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
14	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)

15	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
16	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
17	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
18	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức lao động gián tiếp (LDGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	69	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (138 x 20% = 27,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	27,6	2 người x 13,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (138 x 20% = 27,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	27,6	3 người x 9,2 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (138 x 10% = 13,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	13,8	6 người x 2,3 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo quyết định hiện hành, quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	Chiếc	5	0,5 kw/giờ	576
2	Máy Laptop	Chiếc	1	0,5 kw/giờ	40

3	Máy photocopy	Chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	Chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	Chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	Chiếc	4	1 kw/giờ	576
7	Amly	Chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	Chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	Chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	Chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	Chiếc	1	0,08 kw/giờ	576
12	Đèn neon	Chiếc	4	0,04 kw/giờ	576
13	Quạt treo tường	Chiếc	4	0,075 kw/giờ	576

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	9
2	Mực in	hộp	4,5
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	27
5	Viết lông	cây	27
6	Kẹp bướm	hộp	27
7	Ghim giấy	hộp	27
8	Bìa nút	cái	27
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	5
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	668,2
2	Nước sinh hoạt	m ³	31,05

2. Mô hình trồng mới, thâm canh cây ăn trái hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr02

2.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 9 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

2.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	138	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (như cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư, thiết bị theo hình thức chỉ định thầu rút gọn - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	17	1 người x 17 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị theo hình thức chào hàng cạnh tranh quy trình rút gọn - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Chi liên hệ, khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ	6	3 người x 2 công/người
10	Chi phí phối hợp với đơn vị đào tạo đánh giá chứng nhận, hướng dẫn hộ dân áp dụng theo yêu cầu tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ	12	3 người x 3 công/người
11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	1 người x 1,5 công/tháng x 9 tháng
12	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	2 người x 0,8 công/người/tháng x 9 tháng
13	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
14	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
15	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
16	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
17	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình	2	1 người x 2 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
18	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	69	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (138 x 20% = 27,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	27,6	2 người x 13,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (138 x 20% = 27,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	27,6	3 người x 9,2 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (138 x 10% = 13,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	13,8	6 người x 2,3 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo quyết định hiện hành, quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	576
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	576
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40

10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	576
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	576
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	576

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	9
2	Mực in	hộp	4,5
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	27
5	Viết lông	cây	27
6	Kẹp bướm	hộp	27
7	Ghim giấy	hộp	27
8	Bìa nút	cái	27
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	5
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	668,2
2	Nước sinh hoạt	m ³	31,05

3. Mô hình ứng dụng thiết bị bay không người lái (máy bay nông nghiệp) trong sản xuất cây ăn trái - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr03

3.1. Thông tin chung

- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- Thời gian thực hiện: 9 tháng;
- Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

3.2. Nội dung định mức

- Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công Lao động trực tiếp (LĐTT)	142	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua vật tư, thiết bị hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá vật tư, thiết bị theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
6.3	Đấu thầu mua thiết bị theo quy định của nhà nước - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người

8	Giao nhận vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	1 người x 1,5 công/tháng x 9 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	2 người x 0,8 công/người/tháng x 9 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	71	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (142 x 20% = 28,4) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28,4	2 người x 14,2 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức (142 x 20% = 28,4)	28,4	3 người x 9,47 công/người

	- Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng Hành chính tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐT (142 x 10% = 14,2) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14,2	6 người x 2,37 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định định mức kinh tế - kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 và các quyết định hiện hành theo quy định.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	576
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	576
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	576
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	576
13	-Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	576

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	9
2	Mực in	hộp	4,5

3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	27
5	Viết lông	cây	27
6	Kẹp bướm	hộp	27
7	Ghim giấy	hộp	27
8	Bìa nút	cái	27
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	5
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	668,2
2	Nước sinh hoạt	m ³	32,8

II. MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG TRÊN LÚA

1. Mô hình sản xuất lúa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, 1 phải 6 giảm) thích ứng biến đổi khí hậu - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr04

1.1. Thông tin chung

- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- Thời gian thực hiện: 4 tháng;
- Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

1.2. Nội dung định mức

- Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	98	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người

3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 0,75 công/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	2 người x 0,34 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII

			(Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	49	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19,6	2 người x 9,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19,6	3 người x 6,53 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (98 x 10% = 9,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	9,8	6 người x 1,63 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

2. Mô hình sản xuất lúa ứng dụng kỹ thuật thâm canh tổng hợp (máy cấy, máy sạ lúa theo khóm/cụm) - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr05

2.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 5 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

2.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	100	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định	22	1 người x 22

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	1 người x 0,8 công/tháng x 5 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	2 người x 0,4 công/người/tháng x 5 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	50	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc	20	2 người x 10

	phụ trách) = 20% định mức LĐTT (100 x 20% = 20) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (100 x 20% = 20) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	3 người x 6,67 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (100 x 10% = 10) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	6 người x 1,67 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	320
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	320
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	320
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	5
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	60
5	Viết lông	cây	60
6	Kẹp bướm	hộp	60
7	Ghim giấy	hộp	60
8	Bìa nút	cái	60
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	685
2	Nước sinh hoạt	m ³	38,7

3. Mô hình sản xuất lúa hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr06

3.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 05 ha).

3.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		156
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	3	1 người x 3 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	1 người x 8 công/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	2 người x 4 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao

			động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	78	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	2 người x 15,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	3 người x 10,4 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 15,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	15,6	6 người x 2,6 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

4. Mô hình cơ giới hóa trên lúa - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr07

4.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 5 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

4.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	144	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; Thu thập số liệu (giá giống, vật tư, máy móc, thiết bị,...) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/ngày
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư, máy móc, thiết bị hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư, máy móc, thiết bị theo quy định của nhà nước - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống theo quy định của nhà nước - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
6.3	Đấu thầu mua vật tư theo quy định của nhà nước - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
6.4	Đấu thầu mua máy móc, thiết bị theo quy định của nhà nước - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư, máy móc, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	1 người x 0,8 công/tháng x 5 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	2 người x 0,4 công/người/tháng x 5 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc	2	1 người x 2

	mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	72	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (144 x 20% = 28,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28,8	2 người x 14,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (144 x 20% = 28,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28,8	3 người x 9,6 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (144 x 10% = 14,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14,4	6 người x 2,4 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định định mức kinh tế - kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40

5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	45

III. MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG TRÊN CÂY RAU MÀU

1. Mô hình sản xuất khoai lang theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr08

1.1. Thông tin chung

a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 01 ha).

1.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công lao động trực tiếp (LĐTT)	104	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/người/tháng x 4 tháng;
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	52	

1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	2 người x 10,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	3 người x 6,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (104x 10% = 10,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,4	6 người x 1,73 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

2. Mô hình sản xuất khoai mỡ theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr09

2.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 5 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 01 ha).

2.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		108
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	3	1 người x 3 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/ngày
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	1 người x 1,6 công/tháng x 5 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	2 người x 0,8 công/người/tháng x 5 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao

			động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	54	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	2 người x 10,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	3 người x 7,2 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (108 x 10% = 10,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,8	6 người x 1,8 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	320
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	320
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	320
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	5
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	60
5	Viết lông	cây	60
6	Kẹp bướm	hộp	60
7	Ghim giấy	hộp	60
8	Bìa nút	cái	60
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	685
2	Nước sinh hoạt	m ³	38,7

3. Mô hình sản xuất cải xà lách xoong theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr10

3.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 3 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

3.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	102	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/ngày
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	1 người x 1,7 công/tháng x 3 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	2 người x 0,85 công/người/tháng x 3 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	51	

1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (102 x 20% = 20,4) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,4	2 người x 10,2 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (102 x 20% = 20,4) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,4	3 người x 6,8 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (102 x 10% = 10,2) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,2	6 người x 1,7 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	192
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	192
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	192
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	3
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	36
5	Viết lông	cây	36
6	Kẹp bướm	hộp	36
7	Ghim giấy	hộp	36
8	Bìa nút	cái	36
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	482,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	31,5

4. Mô hình sản xuất củ sắn theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr11

4.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 1 vụ (4 tháng);
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 01 ha).

4.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		104
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	3	1 người x 3 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng;
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao

			động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	52	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	2 người x 10,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	3 người x 6,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 10,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,4	6 người x 1,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

5. Mô hình sản xuất củ cải trắng theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr12**5.1. Thông tin chung**

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 1 vụ (4 tháng);
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

5.2. Nội dung định mức**a) Định mức lao động**

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	104	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng Kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	22	1 người x 22 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	52	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (104 x	20,8	2 người x 10,4 công/người

	20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	3 người x 6,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 10,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,4	6 người x 1,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

6. Mô hình sản xuất hành lá theo tiêu chuẩn GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr13

6.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

6.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		104
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	3	1 người x 3 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao

			động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	52	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	2 người x 10,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	3 người x 6,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 15,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,4	6 người x 1,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

7. Mô hình sản xuất các loại cải xanh ăn lá theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr14

7.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 2 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

7.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	98	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định	22	1 người x 22

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 1,5 công/người/tháng x 2 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	2 người x 0,75 công/người/tháng x 2 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	49	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, phó giám đốc	19,6	2 người x 9,8

	phụ trách) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19,6	3 người x 6,6 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (98 x 10% = 9,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	9,8	6 người x 1,63 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	128
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	128
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	128
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	2
2	Mực in	hộp	1
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	24
5	Viết lông	cây	24
6	Kẹp bướm	hộp	24
7	Ghim giấy	hộp	24
8	Bìa nút	cái	24
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	381,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	27,9

8. Mô hình sản xuất các loại rau ăn lá theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr15

8.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 2 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

8.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		98
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	3	1 người x 3 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/ngày
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 1,5 công/người/tháng x 2 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	2 người x 0,75 công/người/tháng x 2 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao

			động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	49	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19,6	2 người x 9,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19,6	3 người x 6,6 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (98 x 10% = 9,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	9,8	6 người x 1,63 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	128
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	128
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	128
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	2
2	Mực in	hộp	1
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	24
5	Viết lông	cây	24
6	Kẹp bướm	hộp	24
7	Ghim giấy	hộp	24
8	Bìa nút	cái	24
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	381,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	27,9

9. Mô hình sản xuất dưa leo, khổ qua theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr16

9.1. Thông tin chung

a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

9.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	104	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng; thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/ngày
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định	22	1 người x 22

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	52	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc	20,8	2 người x 10,4

	phụ trách) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	3 người x 6,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 10,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,4	6 người x 1,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

10. Mô hình sản xuất đậu bắp theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr17

10.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 5 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

10.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		108
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng; thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình	3	1 người x 3 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	1 người x 1,6 công/người/tháng x 5 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	2 người x 0,8 công/người/tháng x 5 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)

12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	54	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	2 người x 10,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	3 người x 7,2 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (108 x 10% = 10,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,8	6 người x 1,8 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	320
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	320
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	320
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	5
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	60
5	Viết lông	cây	60
6	Kẹp bướm	hộp	60
7	Ghim giấy	hộp	60
8	Bìa nút	cái	60
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	685
2	Nước sinh hoạt	m ³	38,7

11. Mô hình sản xuất đậu nành gieo vãi trên chân đất ướt theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr18

11.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 5 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

11.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	108	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	1 người x 1,6 công/người/tháng x 5 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	2 người x 0,8 công/người/tháng x 5 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	54	

1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	2 người x 10,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	3 người x 7,2 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (108 x 10% = 10,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,8	6 người x 1,8 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	320
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	320
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	320
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	5
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	60
5	Viết lông	cây	60
6	Kẹp bướm	hộp	60
7	Ghim giấy	hộp	60
8	Bìa nút	cái	60
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	685
2	Nước sinh hoạt	m ³	38,7

12. Mô hình sản xuất đậu nành rau theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr19

12.1. Thông tin chung

- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- Thời gian thực hiện: 4 tháng;
- Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 01 ha).

12.2. Nội dung định mức

- Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		104
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình	3	1 người x 3 công/

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)

12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	52	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	2 người x 10,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	3 người x 6,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 10,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,4	6 người x 1,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

13. Mô hình sản xuất dưa hấu theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr20

13.1. Thông tin chung

a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Thời gian thực hiện: 5 tháng;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

13.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	108	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định	22	1 người x 22 công/

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	1 người x 1,6 công/người/tháng x 5 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	2 người x 0,8 công/người/tháng x 5 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	54	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc)	21,6	2 người x

	phụ trách) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		10,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	3 người x 7,2 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (108 x 10% = 10,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	6 người x 1,8 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	320
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	320
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	320
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Danh mục văn phòng phẩm	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	5
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	60
5	Viết lông	cây	60
6	Kẹp bướm	hộp	60
7	Ghim giấy	hộp	60
8	Bìa nút	cái	60
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	685
2	Nước sinh hoạt	m ³	38,7

14. Mô hình sản xuất ớt cay theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr21

14.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 1 vụ (6 tháng);
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

14.1. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		112
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	3	1 người x 3 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	1 người x 1,7 công/người/tháng x 6 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	2 người x 0,8 công/người/tháng x 6 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao

			động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	56	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22,4	2 người x 18,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (Lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22,4	3 người x 7,47 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, phó phòng, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (188 x 10% = 18,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18,8	6 người x 1,87 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	384
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	384
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	384
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	6
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	72
5	Viết lông	cây	72
6	Kẹp bướm	hộp	72
7	Ghim giấy	hộp	72
8	Bìa nút	cái	72
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	786,1
2	Nước sinh hoạt	m ³	42,3

15. Mô hình sản xuất các loại rau màu khác theo GAP - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr22

15.1. Thông tin chung

a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Thời gian thực hiện: 1 vụ (tùy loại rau màu trong định mức kinh tế - kỹ thuật, tối đa 9 tháng);

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1ha).

15.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	120	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	1 người x 1,6 công/người/tháng x 9 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	2 người x 0,8 công/người/tháng x 9 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	60	

1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (120 x 20% = 24) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	24	2 người x 12 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (120 x 20% = 24) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	24	3 người x 8 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (120 x 10% = 12) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	12	6 người x 2 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo các quyết định đã ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	576
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	48
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	48
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	48
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	48
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	576
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	48
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	48
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	48
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/ giờ	48
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	576
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	9
2	Mực in	hộp	5
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	243
5	Viết lông	cây	243
6	Kẹp bướm	hộp	243
7	Ghim giấy	hộp	243
8	Bìa nút	cái	243
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.091,5
2	Nước sinh hoạt	m ³	53,1

16. Mô hình trồng khoai lang theo hướng hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr23

16.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 1 vụ (4 tháng);
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

16.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		104
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình	3	1 người x 3

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)

12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	52	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	2 người x 10,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	3 người x 6,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 10,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,4	6 người x 1,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

17. Mô hình trồng xà lách xoong theo hướng hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr24

17.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 1 vụ (2 tháng);
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

17.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	98	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 1,5 công/người/tháng x 2 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	2 người x 0,75 công/người/tháng x 2 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	49	

1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19,6	2 người x 9,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19,6	3 người x 6,6 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (98 x 10% = 9,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	9,8	6 người x 1,63 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	128
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	128
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	128
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Danh mục văn phòng phẩm	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	2
2	Mực in	hộp	1
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	24
5	Viết lông	cây	24
6	Kẹp bướm	hộp	24
7	Ghim giấy	hộp	24
8	Bìa nút	cái	24
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	381,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	27,9

18. Mô hình trồng khoai lang hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr25

18.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 1 vụ (4 tháng);
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

18.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		104
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình	3	1 người x 3 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)

12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	52	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	2 người x 10,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	3 người x 6,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (104 x 10% = 10,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,4	6 người x 1,73 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

19. Mô hình trồng xà lách xoong hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr26

19.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 1 năm (12 tháng);
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

19.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	130	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định	22	1 người x 22

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19	1 người x 1,6 công/người/tháng x 12 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19	2 người x 0,8 công/người/tháng x 12 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	65	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc)	26	2 người x 13

	phụ trách) = 20% định mức LĐTT (130 x 20% = 26) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (130 x 20% = 26) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	26	3 người x 8,67 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (130 x 10% = 13) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	13	6 người x 2,17 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	768
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	768
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	768
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	12
2	Mực in	hộp	6
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	144
5	Viết lông	cây	144
6	Kẹp bướm	hộp	144
7	Ghim giấy	hộp	144
8	Bìa nút	cái	144
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.392,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	63,9

20. Mô hình sản xuất hữu cơ với cây hành lá - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr27

20.1. Thông tin chung

a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Thời gian thực hiện: 3 tháng;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1ha).

20.1. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		102
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	3	1 người x 3 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	1 người x 1,7 công/người/tháng x 3 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	2 người x 0,85 công/người/tháng x 3 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch

			vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	51	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (102 x 20% = 20,4) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,4	2 người x 10,2 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (102 x 20% = 20,4) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,4	3 người x 6,8 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (102 x 10% = 10,2) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,2	6 người x 1,7 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	192
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	192
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	192
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	3
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	36
5	Viết lông	cây	36
6	Kẹp bướm	hộp	36
7	Ghim giấy	hộp	36
8	Bìa nút	cái	36
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	482,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	31,5

21. Mô hình sản xuất các cây: cải xanh ăn lá, rau dền, mùng tơi hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr28

21.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 1 vụ (2 tháng);
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

21.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	98	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 1,5 công/người/tháng x 2 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	2 người x 0,75 công/người/tháng x 2 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	49	

1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19,6	2 người x 9,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (98 x 20% = 19,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	19,6	3 người x 6,6 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (98 x 10% = 9,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	9,8	6 người x 1,63 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 11 năm 2022 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	128
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	128
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	128
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	2
2	Mực in	hộp	1
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	24
5	Viết lông	cây	24
6	Kẹp bướm	hộp	24
7	Ghim giấy	hộp	24
8	Bìa nút	cái	24
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	381,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	27,9

22. Mô hình sản xuất cây cải bắp (bắp cải) hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr29

22.1. Thông tin chung

- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- Thời gian thực hiện: 1 vụ (4 tháng);
- Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1ha).

22.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình	3	1 người x 3

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)

12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	52	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	2 người x 10,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (104 x 20% = 20,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,8	3 người x 6,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 10,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,4	6 người x 1,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

23. Mô hình sản xuất hữu cơ với các cây: cà chua, bí xanh, mướp đắng (khổ qua) - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr30

23.1. Thông tin chung

a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Thời gian thực hiện: 5 tháng;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

23.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	108	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	1 người x 1,6 công/người/tháng x 5 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	2 người x 0,8 công/người/tháng x 5 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	54	

1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	2 người x 10,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (108 x 20% = 21,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	21,6	3 người x 7,2 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (108 x 10% = 10,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,8	6 người x 1,8 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	320
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	320
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	320
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	5
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	60
5	Viết lông	cây	60
6	Kẹp bướm	hộp	60
7	Ghim giấy	hộp	60
8	Bìa nút	cái	60
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	685
2	Nước sinh hoạt	m ³	38,7

24. Mô hình sản xuất nấm rơm cải tiến ngoài trời an toàn - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr31

24.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 3 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1ha).

24.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		102
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình	3	1 người x 3

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	1 người x 1,7 công/người/tháng x 3 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	2 người x 0,85 công/người/tháng x 3 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)

12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	51	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (102 x 20% = 20,4) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,4	2 người x 10,2 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (102 x 20% = 20,4) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,4	3 người x 6,8 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (102 x 10% = 10,2) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,2	6 người x 1,7 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	192
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	192
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	192
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	3
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	36
5	Viết lông	cây	36
6	Kẹp bướm	hộp	36
7	Ghim giấy	hộp	36
8	Bìa nút	cái	36
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	482,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	31,5

25. Mô hình sản xuất nấm rơm trong nhà an toàn - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr32

25.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 3 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1ha).

25.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	102	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát thực trạng, thu thập thông tin, số liệu theo yêu cầu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai kế hoạch thực hiện mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Thẩm định, hướng dẫn người đủ điều kiện làm hồ sơ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật áp dụng cho người tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho người tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định	22	1 người x 22

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
7	Hợp đồng với người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho người tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	1 người x 1,7 công/người/tháng x 3 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	2 người x 0,85 công/người/tháng x 3 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết, tổng kết mô hình	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	51	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc)	20,4	2 người x 10,2

	phụ trách) = 20% định mức LĐTT (102 x 20% = 20,4) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (102 x 20% = 20,4) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,4	3 người x 6,8 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (102 x 10% = 10,2) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10,2	6 người x 1,7 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	192
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	192
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	192
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	3
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	36
5	Viết lông	cây	36
6	Kẹp bướm	hộp	36
7	Ghim giấy	hộp	36
8	Bìa nút	cái	36
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	482,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	31,5

26. Mô hình cơ giới hóa trên rau màu - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr33

26.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;
c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

26.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		148
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư, máy móc, thiết bị,...) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Trung cấp trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện	3	1 người x 3 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư, máy móc, thiết bị hỗ trợ cho Hộ tham gia MH theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư, máy móc, thiết bị theo quy định của nhà nước - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống theo quy định của nhà nước - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
6.3	Đấu thầu mua vật tư theo quy định của nhà nước - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
6.4	Đấu thầu mua máy móc, thiết bị theo quy định của nhà nước - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư, máy móc, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người

9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	1 người x 1,5 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 0,75 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	74	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (148 x 20% = 29,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	29,6	2 người x 14,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (148 x 20% = 29,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	29,6	3 người x 9,87 công/người

3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (148 x 10% = 14,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14,8	6 người x 2,47 công/người
---	--	------	---------------------------

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định: 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định định mức kinh tế - kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48

6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II Định mức điện, nước sinh hoạt			
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	45

IV. MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG ĐÔ THỊ

1. Mô hình trồng nấm (nấm bào ngư, nấm linh chi, nấm mộc nhĩ,...) - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr34

1.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 3.000 phôi)

1.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	156	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện	6	2 người x 3

	tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	1 người x 8 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	2 người x 4 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý HĐ nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người	2	2 người x 1 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	78	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	2 người x 15,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	3 người x 10,4 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 15,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	15,6	6 người x 2,6 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40

3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

2. Mô hình trồng hoa cúc - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr35

2.1. Thông tin chung

a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Thời gian thực hiện: 6 tháng;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha).

2.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	188	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	1 người x 8 công/người/tháng x 6 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	2 người x 4 công/người/tháng x 6 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn,	94	

	nghịệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT		
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	37,6	2 người x 18,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	37,6	3 người x 12,53 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (188 x 10% = 18,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18,8	6 người x 3,13 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	384
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	384
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	384
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	6
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	72
5	Viết lông	cây	72
6	Kẹp bướm	hộp	72
7	Ghim giấy	hộp	72
8	Bìa nút	cái	72
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	786,2
2	Nước sinh hoạt	m ³	42,3

3. Mô hình trồng hoa đồng tiền chậu - Mã sản phẩm, dịch vụ: TTr36

3.1. Thông tin chung

a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1ha)

3.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		156
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện	3	1 người x 3 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	1 người x 8 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	2 người x 4 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch

			vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	78	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	2 người x 15,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	3 người x 10,4 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 15,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	15,6	6 người x 2,6 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

B. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Mô hình chăn nuôi gà thịt - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN01

1.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 3.000 con).

1.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	156	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định	17	1 người x 17 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	1 người x 8 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	2 người x 4 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	1	1 người x 1 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	78	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	2 người x 15,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	3 người x 10,4 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 15,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	15,6	6 người x 2,6 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo quyết định: 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256

12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

2. Mô hình chăn nuôi gà sinh sản - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN02

2.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 18 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 3.000 con).

2.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		380
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư)	2	2 người x 1 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	1 người x 8 công/người/tháng x 18 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người	144	2 người x 4 công/người/tháng x

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		18 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	190	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (380 x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	2 người x 38 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (380x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	3 người x 25,3 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (380 x 10% = 38)	38	6 người x 66,3 công/người

- Số lượng người yêu cầu: 06 người		
- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	1.152
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	1.152
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	1.152
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	1.152
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	1.152

d) Định mức khác

STT	Danh mục văn phòng phẩm	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	18
2	Mực in	hộp	9
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	216
5	Viết lông	cây	216
6	Kẹp bướm	hộp	216
7	Ghim giấy	hộp	216
8	Bìa nút	cái	216
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2

11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II Định mức điện, nước sinh hoạt			
1	Điện sử dụng	kw	2.102,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	85,5

3. Mô hình chăn nuôi vịt thịt - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN03

3.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 3 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 3.000 con).

3.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	140	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)

6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	24	1 người x 8 công/người/tháng x 3 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	24	2 người x 4 công/người/tháng x 3 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết	2	1 người x 2

	thức mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	70	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (140 x 20% = 28) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28	2 người x 14 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (140 x 20% = 28) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28	3 người x 9,3 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (140 x 10% = 14) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	6 người x 2,3 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	192
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	192

7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	192
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	192
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	192

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	3
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	36
5	Viết lông	cây	36
6	Kẹp bướm	hộp	36
7	Ghim giấy	hộp	36
8	Bìa nút	cái	36
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	475,4
2	Nước sinh hoạt	m ³	31,5

4. Mô hình chăn nuôi vịt sinh sản - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN04

4.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 18 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 3.000 con).

4.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	380	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	1 người x 8 công/người/tháng x 18 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	2 người x 4 công/người/tháng x 18 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn,	190	

	nghịệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT		
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (380 x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	2 người x 38 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (380x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	3 người x 25,3 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (380 x 10% = 38) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	38	6 người x 6,3 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	1.152
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	1.152
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	1.152
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	1.152
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	1.152

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	18
2	Mực in	hộp	9
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	216
5	Viết lông	cây	216
6	Kẹp bướm	hộp	216
7	Ghim giấy	hộp	216
8	Bìa nút	cái	216
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	2.102,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	85,5

5. Mô hình chăn nuôi heo thịt - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN05

5.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 100 con).

5.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực	3	1 người x 3

	hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	1 người x 8 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	2 người x 4 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII

			(Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	78	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	2 người x 15,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	3 người x 10,4 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 15,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	15,6	6 người x 2,6 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40

II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

6. Mô hình chăn nuôi heo sinh sản - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN06

6.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
b) Thời gian thực hiện: 18 tháng;
c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 30 con).

6.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	380	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của		

	nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	1 người x 8 công/người/tháng x 18 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	2 người x 4 công/người/tháng x 18 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	2	1 người x 2 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	190	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (380 x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	2 người x 38 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (380x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	3 người x 25,3 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (380 x 10% = 38) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	38	6 người x 6,3 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	1.152
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	1.152
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40

9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	1.152
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	1.152
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	1.152

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	18
2	Mực in	hộp	9
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	216
5	Viết lông	cây	216
6	Kẹp bướm	hộp	216
7	Ghim giấy	hộp	216
8	Bìa nút	cái	216
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	2.102,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	85,5

7. Mô hình chăn nuôi bò thịt - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN07

7.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 12 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 10 con).

7.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	284	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	96	1 người x 8 công/người/tháng x 12 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	96	2 người x 4 công/người/tháng x 12 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn,	142	

	ng nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT		
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (284 x 20% = 56,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	56,8	2 người x 28,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (284x 20% = 56,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	56,8	3 người x 18,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (284 x 10% = 28,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28,4	6 người x 4,73 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	768
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	768
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	768
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	768
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	768

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	12
2	Mực in	hộp	6
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	144
5	Viết lông	cây	144
6	Kẹp bướm	hộp	144
7	Ghim giấy	hộp	144
8	Bìa nút	cái	144
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.451,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	63,9

8. Mô hình chăn nuôi bò sinh sản - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN08

8.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 18 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 10 con).

8.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực	3	1 người x 3

	hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	1 người x 8 công/người/tháng x 18 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	2 người x 4 công/người/tháng x 18 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII

			(Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	190	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (380 x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	2 người x 38 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (380x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	3 người x 25,33 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (380 x 10% = 38) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	38	6 người x 6,33 công/người

b) Định mức vật tư (giông, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	1.152
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	1.152
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	1.152
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	1.152
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	1.152

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	18
2	Mực in	hộp	9
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	216
5	Viết lông	cây	216
6	Kẹp bướm	hộp	216
7	Ghim giấy	hộp	216
8	Bìa nút	cái	216
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40

II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	2.102,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	85,5

9. Mô hình chăn nuôi bò vỗ béo - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN09

9.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 3 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 20 con).

9.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	140	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của		

	nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	24	1 người x 8 công/người/tháng x 3 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	24	2 người x 4 công/người/tháng x 3 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	2	1 người x 2 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐT	70	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 50% định mức LĐT (140 x 20% = 28) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28	2 người x 28 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐT (140 x 20% = 28) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28	3 người x 9,33 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐT (140 x 10% = 14) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	6 người x 2,33 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	192
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	192
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40

9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	192
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	192
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	192

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	3
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	36
5	Viết lông	cây	36
6	Kẹp bướm	hộp	36
7	Ghim giấy	hộp	36
8	Bìa nút	cái	36
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	475,4
2	Nước sinh hoạt	m ³	31,5

10. Mô hình chăn nuôi dê thịt - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN10

10.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 6 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 30 con).

10.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	188	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	1 người x 8 công/người/tháng x 6 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	2 người x 4 công/người/tháng x 6 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn,	94	

	nghịệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐT		
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	37,6	2 người x 18,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	37,6	3 người x 12,53 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐT (188 x 10% = 18,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18,8	6 người x 3,13 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	384
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	384
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	384
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	384
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	384

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	6
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	72
5	Viết lông	cây	72
6	Kẹp bướm	hộp	72
7	Ghim giấy	hộp	72
8	Bìa nút	cái	72
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	800,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	42,3

11. Mô hình chăn nuôi dê sinh sản - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN11

11.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 18 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 30 con).

11.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực	3	1 người x 3

	hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	1 người x 8 công/người/tháng x 18 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	2 người x 4 công/người/tháng x 18 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII

			(Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	190	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (380 x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	2 người x 38 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (380x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	3 người x 25,33 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (380 x 10% = 38) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	38	6 người x 6,33 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	1.152
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	1.152
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	1.152
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	1.152
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	1.152

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	18
2	Mực in	hộp	9
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	216
5	Viết lông	cây	216
6	Kẹp bướm	hộp	216
7	Ghim giấy	hộp	216
8	Bìa nút	cái	216
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		

1	Điện sử dụng	kw	2.102,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	85,5

12. Mô hình chăn nuôi thỏ thịt - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN12

12.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 6 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 100 con).

12.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	188	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		

6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	1 người x 8 công/người/tháng x 6 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	2 người x 4 công/người/tháng x 6 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người

16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	94	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	37,6	2 người x 18,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	37,6	3 người x 12,53 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (188 x 10% = 18,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18,8	6 người x 3,13 công/người

b) Định mức giống, vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	384
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	384
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40

10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	384
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	384
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	384

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	6
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	72
5	Viết lông	cây	72
6	Kẹp bướm	hộp	72
7	Ghim giấy	hộp	72
8	Bìa nút	cái	72
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	800,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	42,3

13. Mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN13

13.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 12 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 100 con).

13.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	284	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	96	1 người x 8 công/người/tháng x 12 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	96	2 người x 4 công/người/tháng x 12 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn,	142	

	ng nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT		
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (284 x 20% = 57) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	57	2 người x 28,5 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (284x 20% = 57) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	57	3 người x 19 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (284 x 10% = 28,5) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28,5	6 người x 4,75 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	768
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	768
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	768
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	768
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	768

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	12
2	Mực in	hộp	6
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	144
5	Viết lông	cây	144
6	Kẹp bướm	hộp	144
7	Ghim giấy	hộp	144
8	Bìa nút	cái	144
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.451,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	63,9

14. Mô hình chăn nuôi gà thịt theo hướng hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN14

14.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 6 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 3.000 con).

14.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người

2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	1 người x 8 công/người/tháng x 6 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	2 người x 4 công/người/tháng x 6 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao

			động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	94	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	37,6	2 người x 18,8 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (188 x 20% = 37,6) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	37,6	3 người x 12,53 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (188 x 10% = 18,8) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18,8	6 người x 3,13 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số: 33/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	384
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	384
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	384
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	384
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	384

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	6
2	Mực in	hộp	3
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	72
5	Viết lông	cây	72
6	Kẹp bướm	hộp	72
7	Ghim giấy	hộp	72
8	Bìa nút	cái	72
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		

1	Điện sử dụng	kw	800,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	42,3

15. Mô hình chăn nuôi heo thịt theo hướng hữu cơ - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN11

15.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 8 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 100 con).

15.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	220	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của		

	nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	64	1 người x 8 công/người/tháng x 8 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	64	2 người x 4 công/người/tháng x 8 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	2	1 người x 2 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	110	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (220 x 20% = 44) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	44	2 người x 22 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (220 x 20% = 44) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	44	3 người x 16,67 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (220 x 10% = 22) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	6 người x 3,67 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số: 33/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	512
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	512
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40

8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	512
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	512
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	512

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	8
2	Mực in	hộp	4
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	96
5	Viết lông	cây	96
6	Kẹp bướm	hộp	96
7	Ghim giấy	hộp	96
8	Bìa nút	cái	96
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.017,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	49,5

16. Mô hình các đối tượng vật nuôi khác - Mã sản phẩm, dịch vụ: CN16

16.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 9 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình tại 1 điểm (xã) thực hiện).

16.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	236	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	72	1 người x 8 công/người/tháng x 9 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	72	2 người x 4 công/người/tháng x 9 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn,	118	

	nghịp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐT		
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐT (236 x 20% = 47,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	47,2	2 người x 23,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐT (236 x 20% = 47,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	47,2	3 người x 15,73 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐT (236 x 10% = 23,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	23,6	6 người x 3,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo các văn bản quy định, quyết định hiện hành.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	576
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	576
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	576
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	576
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	576

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	9
2	Mực in	hộp	5
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	108
5	Viết lông	cây	108
6	Kẹp bướm	hộp	108
7	Ghim giấy	hộp	108
8	Bìa nút	cái	108
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.126,3
2	Nước sinh hoạt	m ³	53,1

C. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Mô hình nuôi thâm canh cá sặc rằn - Mã sản phẩm, dịch vụ: TS01

1.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 8 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 20.000 con).

1.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	220	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/ngày
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định	17	1 người x 17 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	64	1 người x 8 công/người/tháng x 8 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	64	2 người x 4 công/người/tháng x 8 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	1	1 người x 1 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	110	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (220 x 20% = 44) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	44	2 người x 22 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (220 x 20% = 44) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	44	3 người x 14,67 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (220 x 10% = 22) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	6 người x 3,67 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	512
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	512
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	512

12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	512
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	512

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	8
2	Mực in	hộp	4
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	96
5	Viết lông	cây	96
6	Kẹp bướm	hộp	96
7	Ghim giấy	hộp	96
8	Bìa nút	cái	96
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.017,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	49,5

2. Mô hình nuôi lợn thâm canh không bùn trong bể - Mã sản phẩm, dịch vụ: TS02

2.1. Thông tin chung

- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- Thời gian thực hiện: 10 tháng;
- Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 25.000 con).

2.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người	2	2 người x 1 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	80	1 người x 8 công/người/tháng x 10 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	80	2 người x 4 công/người/tháng x 10 tháng

11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	126	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (252 x 20% = 50,4) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	50,4	2 người x 25,2 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (252 x 20% = 50,4) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	50,4	3 người x 16,8 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (252 x 10% = 25,2) - Số lượng người yêu cầu: 06 người	25,2	6 người x 4,2 công/người

- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
--	--	--

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	640
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	640
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	640
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	640
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	640

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	10
2	Mực in	hộp	5
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	120
5	Viết lông	cây	120
6	Kẹp bướm	hộp	120
7	Ghim giấy	hộp	120
8	Bìa nút	cái	120
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2

11	Giấy A0 đề thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.234,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	52,65

3. Mô hình nuôi cá chình thương phẩm trong vèo đặt trong ao - Mã sản phẩm, dịch vụ: TS03

3.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 24 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 2.000 con).

3.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	476	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ		

	cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	192	1 người x 8 công/người/tháng x 24 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	192	2 người x 4 công/người/tháng x 24 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình	2	1 người x 2 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	238	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 50% định mức LĐTT (476 x 20% = 95,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	95,2	2 người x 47,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (476 x 20% = 95,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	95,2	3 người x 31,73 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (476 x 10% = 47,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	47,6	6 người x 7,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	1.536
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	1.536
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40

8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	1.536
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	1.536
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	1.536

d) Định mức khác

STT	Danh mục văn phòng phẩm	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	24
2	Mực in	hộp	12
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	288
5	Viết lông	cây	288
6	Kẹp bướm	hộp	288
7	Ghim giấy	hộp	288
8	Bìa nút	cái	288
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	2.753,5
2	Nước sinh hoạt	m ³	107,1

4. Mô hình nuôi ếch trong vèo kết hợp cá trê vàng trong ao - Mã sản phẩm, dịch vụ: TS04

4.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 4 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 50.000 con).

4.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	156	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/ngày
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	17	1 người x 17 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	1 người x 8 công/người/tháng x 4 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	2 người x 4 công/người/tháng x 4 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người

II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	78	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	2 người x 15,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (156 x 20% = 31,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	31,2	3 người x 10,4 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (156 x 10% = 15,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	15,6	6 người x 2,6 công/người

b) Định mức vật tư (giông, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	256
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	256
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	256
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	256

13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	256
----	-----------------	-------	---	--------------	-----

d) Định mức khác

STT	Danh mục văn phòng phẩm	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	4
2	Mực in	hộp	2
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	48
5	Viết lông	cây	48
6	Kẹp bướm	hộp	48
7	Ghim giấy	hộp	48
8	Bìa nút	cái	48
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	583,9
2	Nước sinh hoạt	m ³	35,1

5. Mô hình nuôi ghép cá hô với cá điêu hồng trong bè - Mã sản phẩm, dịch vụ: TS05

5.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- b) Thời gian thực hiện: 18 tháng;
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha diện tích mặt nước).

5.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		380
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người	2	2 người x 1 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	1 người x 8 công/người/tháng x 18 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	144	2 người x 4 công/người/tháng x 18 tháng

11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	190	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (380 x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	2 người x 38 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (380x 20% = 76) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	76	3 người x 25,33 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 20% định mức LĐTT (380 x 20% = 38) - Số lượng người yêu cầu: 06 người	38	6 người x 6,33 công/người

- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
--	--	--

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	1.152
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	1.152
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	1.152
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	1.152
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	1.152

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	18
2	Mực in	hộp	9
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	216
5	Viết lông	cây	216
6	Kẹp bướm	hộp	216
7	Ghim giấy	hộp	216
8	Bìa nút	cái	216
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40

II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	2.102,6
2	Nước sinh hoạt	m ³	85,5

6. Mô hình nuôi rắn ri voi thương phẩm trong bể - Mã sản phẩm, dịch vụ: TS06

6.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 12 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 200 con).

6.2. Nội dung định mức

- a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	284	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ		

	cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	96	1 người x 8 công/người/tháng x 12 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	96	2 người x 4 công/người/tháng x 12 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình	2	1 người x 2 công/người

	- Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	142	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (284 x 20% = 56,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	56,8	2 người x 28,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 50% định mức LĐTT (284x 50% = 142) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	56,8	3 người x 18,93 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 50% định mức LĐTT (284 x 50% = 142) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	28,4	6 người x 4,73 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	768
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	768
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40

8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	768
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	768
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	768

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	12
2	Mực in	hộp	6
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	144
5	Viết lông	cây	144
6	Kẹp bướm	hộp	144
7	Ghim giấy	hộp	144
8	Bìa nút	cái	144
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.451,8
2	Nước sinh hoạt	m ³	63,9

7. Mô hình nuôi cá tra trong ao - Mã sản phẩm, dịch vụ: TS07

7.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 7 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha diện tích mặt nước).

7.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	204	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người

6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	56	1 người x 8 công/người/tháng x 7 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	56	2 người x 4 công/người/tháng x 7 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và ban giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn,	102	

	ng nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT		
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (204 x 20% = 40,8) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	40,8	2 người x 20,4 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 50% định mức LĐTT (204 x 20% = 40,8) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	40,8	3 người x 13,6 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (204 x 10% = 20,4) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20,4	6 người x 3,4 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	448
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	448
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	448
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	448
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	448

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	7
2	Mực in	hộp	4
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	84
5	Viết lông	cây	84
6	Kẹp bướm	hộp	84
7	Ghim giấy	hộp	84
8	Bìa nút	cái	84
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	909,4
2	Nước sinh hoạt	m ³	45,9

8. Mô hình nuôi xen canh Cá - Lúa - Mã sản phẩm, dịch vụ: TS08

8.1. Thông tin chung

- a) Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
 b) Thời gian thực hiện: 9 tháng;
 c) Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình 1 ha diện tích mặt nước).

8.2. Nội dung định mức

a) Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT		236
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực	3	1 người x 3

	hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	72	1 người x 8 công/người/tháng x 9 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	72	2 người x 4 công/người/tháng x 9 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII

			(Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	1 người x 2 công/người
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	118	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (236 x 20% = 47,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	47,2	2 người x 23,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (236 x 20% = 47,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	47,2	3 người x 15,73 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (236 x 10% = 23,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	23,6	6 người x 3,93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	576
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	576
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	576
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	576
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	576

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	9
2	Mực in	hộp	5
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	108
5	Viết lông	cây	108
6	Kẹp bướm	hộp	108
7	Ghim giấy	hộp	108
8	Bìa nút	cái	108
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40

II Định mức điện, nước sinh hoạt			
1	Điện sử dụng	kw	1.126,3
2	Nước sinh hoạt	m ³	53,1

9. Mô hình nuôi các đối tượng thủy sản khác - Mã sản phẩm, dịch vụ: TS09

9.1. Thông tin chung

- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;
- Thời gian thực hiện: 9 tháng;
- Định mức kinh tế - kỹ thuật (cho mô hình tại 1 điểm (xã) thực hiện).

9.2. Nội dung định mức

- Định mức lao động

STT	Nội dung thực hiện	Định mức (công)	Ghi chú
I	Định mức công LĐTT	236	
	(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)		
1	Khảo sát nhu cầu địa phương; thu thập số liệu (giá giống, vật tư) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
2	Dự thảo, kiểm tra phát hành kế hoạch thực hiện - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	1 người x 3 công/người
3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương (huyện, xã) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	9	Theo định mức lao động tại Phụ lục II (Mã sản phẩm, dịch vụ: THKN)
6	Tổ chức đấu thầu mua giống, vật tư hỗ trợ cho hộ tham gia mô hình theo quy định của		

	nhà nước		
6.1	Đấu thầu thẩm định giá giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	17	1 người x 17 công/người
6.2	Đấu thầu mua giống, vật tư theo quy định - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	22	1 người x 22 công/người
7	Hợp đồng với hộ dân tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
8	Giao nhận giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	2 người x 3 công/người
9	Thuê khoán cán bộ theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	72	1 người x 8 công/người/tháng x 9 tháng
10	Kiểm tra theo dõi mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	72	2 người x 4 công/người/tháng x 9 tháng
11	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: HTKN)
12	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông	8	Theo định mức lao động tại Phụ lục VII (Mã sản phẩm, dịch vụ: SKMH)
13	Thanh lý hợp đồng nông dân kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
14	Nghiệm thu và bàn giao mô hình cho địa phương - Số lượng theo yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2 người x 1 công/người
15	Hoàn thiện báo cáo, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Số lượng theo yêu cầu: 01 người	2	1 người x 2 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Số lượng theo yêu cầu: 01 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1 người x 1 công/người
II	Định mức LDGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) = 50% định mức LĐTT	118	
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) = 20% định mức LĐTT (236 x 20% = 47,2) - Số lượng người yêu cầu: 02 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	47,2	2 người x 23,6 công/người
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trạm) = 20% định mức LĐTT (236 x 20% = 47,2) - Số lượng người yêu cầu: 03 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	47,2	3 người x 15,73 công/người
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (Trưởng, Phó phòng HCTH, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) = 10% định mức LĐTT (236 x 10% = 23,6) - Số lượng người yêu cầu: 06 người - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	23,6	6 người x 3.93 công/người

b) Định mức vật tư (giống, vật tư,...)

Áp dụng theo các văn bản, quyết định quy định hiện hành.

c) Định mức máy móc, thiết bị

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)
1	Máy tính để bàn	chiếc	5	0,5 kw/giờ	576
2	Máy Laptop	chiếc	1	0,5 kw/giờ	40
3	Máy photocopy	chiếc	1	1,5 kw/giờ	40
4	Máy scan	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
5	Máy in lazer A4	chiếc	1	0,4 kw/giờ	40
6	Điều hòa nhiệt độ	chiếc	4	1 kw/giờ	576
7	Amly	chiếc	1	0,3 kw/giờ	40
8	Loa	chiếc	1	0,15 kw/giờ	40
9	Máy chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40
10	Màn hình chiếu	chiếc	1	0,25 kw/giờ	40

11	Quạt trần	chiếc	1	0,08 kw/giờ	576
12	Đèn neon	chiếc	4	0,04 kw/giờ	576
13	Quạt treo tường	chiếc	4	0,075 kw/giờ	576

d) Định mức khác

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức sử dụng
I	Định mức văn phòng phẩm		
1	Giấy A4	gram	9
2	Mực in	hộp	5
3	Mực photo	hộp	1
4	Viết bic	cây	108
5	Viết lông	cây	108
6	Kẹp bướm	hộp	108
7	Ghim giấy	hộp	108
8	Bìa nút	cái	108
9	Bút trình chiếu	cái	1
10	Bảng viết mica	cái	2
11	Giấy A0 để thảo luận (Tập huấn, hội thảo)	tờ	40
II	Định mức điện, nước sinh hoạt		
1	Điện sử dụng	kw	1.126,3
2	Nước sinh hoạt	m ³	53,1